

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về ban hành kế hoạch cấp nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về thực hiện chỉ tiêu nước sạch nông thôn theo Nghị quyết phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Để triển khai thực hiện đạt các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đảm bảo người dân nông thôn được tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn, chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh.

- Bảo vệ sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Từng bước phát triển hạ tầng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác, đảm bảo an toàn, bền vững thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030:

+ Phần đầu có trên 98% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày.

+ 100% hộ gia đình nông thôn, trường học, Trạm Y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 100% người dân nông thôn thường xuyên thực hiện vệ sinh cá nhân.

+ Phần đầu 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý; 75% hộ chăn nuôi, trang trại xử lý chất thải chăn nuôi.

- Đến năm 2045: phần đầu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững; 50% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 30% nước thải sinh hoạt được xử lý; 100% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Triển khai cơ chế, chính sách

- Xây dựng cụ thể hóa chính sách hỗ trợ đầu tư, quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực biên giới; hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ dân sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới được sử dụng nước sạch, dịch vụ vệ sinh phù hợp, đảm bảo an sinh xã hội theo đúng quy định.

- Rà soát xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn theo quy định; có lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn để thu hút doanh nghiệp đầu tư, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch tiết kiệm.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, bảo đảm thực sự hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý về nước sạch, vệ sinh môi trường và hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ an sinh xã hội.

2. Thông tin - tuyên truyền

- Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; hướng dẫn người dân chủ động tích trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt.

- Hưởng ứng phát động Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm và triển khai các hoạt động thiết thực, hiệu quả.

- Kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin; gắn kết chặt chẽ với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng tổ chức truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

3. Cấp nước sạch nông thôn

3.1. Cấp nước tập trung nông thôn

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung quy mô lớn, đồng bộ theo quy hoạch (Kế hoạch) được duyệt, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu. Tăng cường duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sạch bảo đảm hoạt động hiệu quả, gắn với giám sát quản lý vận hành công trình; ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt cho cấp nước sinh hoạt.

- Ưu tiên đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung cho vùng sâu, khu vực biên giới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn. Đồng thời, tăng cường kêu gọi doanh nghiệp tham gia xã hội hóa đầu tư, quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn, khai thác nguồn nước mặt, công suất lớn bảo đảm cấp nước an toàn từ nguồn nước mặt đạt chất lượng theo quy định của Bộ Y tế, theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt để đảm bảo sức khỏe của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

3.2. Cấp nước quy mô hộ gia đình

- Thực hiện các giải pháp cấp nước quy mô hộ gia đình đối với những khu vực khó khăn, không thể đầu tư tuyến ống truyền tải từ các công trình cấp nước tập trung.

- Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước quy mô hộ gia đình; sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình.

3.3. Cấp nước an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Xây dựng hướng dẫn và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác giám sát đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Nâng cao năng lực xác định và xử lý sự cố gây gián đoạn, ngưng trệ hoạt động cấp nước.

- Xây dựng kế hoạch chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và khắc phục hậu quả thiếu nước sinh hoạt do ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ; đảm bảo duy trì tối thiểu nguồn cấp nước sinh hoạt trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.

3.4. Quản lý vận hành

- Hướng dẫn, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật và kiểm tra công tác quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn sau đầu tư.

- Rà soát đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức, đơn vị quản lý, vận hành và năng lực quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tại địa phương, nhất là với công trình hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định.

- Xây dựng và tổ chức quản lý vận hành công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo mô hình phù hợp, hướng đến chuyên nghiệp hóa công tác quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Xây dựng và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn theo quy định.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý vận hành và bảo vệ công trình cấp nước, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” với hỗ trợ chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật của đơn vị chuyên trách.

4. Thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt

- Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Thí điểm áp dụng các mô hình công nghệ thu gom và xử lý nước thải chi phí thấp, hạn chế hóa chất, sử dụng năng lượng tái tạo, ít phát sinh chất thải thứ cấp phù hợp với đặc điểm và quy mô khu dân cư nông thôn tập trung.

- Huy động các nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách thông qua áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp trong sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí, thủ tục hành chính, kinh phí đầu tư và sau đầu tư.

5. Xử lý chất thải chăn nuôi

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích áp dụng các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường.

- Quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mùi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh từ cơ sở chăn nuôi không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường. Hộ chăn nuôi, chủ trang trại chăn nuôi chịu trách nhiệm xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng quy định.

- Thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ người dân xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định.

- Tăng cường hướng dẫn kiểm tra tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.

6. Khoa học công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, xét nghiệm nhanh chất lượng nước phục vụ sinh hoạt, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp với khả năng chi trả của người dân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ thông minh trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.

- Nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ thu gom, xử lý và trữ nước mưa đảm bảo chất lượng; công nghệ xử lý nước quy mô hộ gia đình đảm bảo vận hành đơn giản, hiệu quả; khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió...trong sản xuất nước sạch và xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi.

7. Nguồn nhân lực

- Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực nước sạch nông thôn.

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình; tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý ở cơ sở.

- Tăng cường thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế, huy động sự tham gia, đóng góp của người dân trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước, vệ sinh môi trường nông thôn và hỗ trợ hoạt động cấp nước quy mô hộ gia đình.

8. Tổ chức giám sát, đánh giá

- Cập nhật và thực hiện điều tra số liệu Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá hàng năm phù hợp với thực tế.

- Tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Hướng dẫn và giám sát đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí về nước sạch và vệ sinh nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động nước sạch nông thôn, triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn tại địa phương.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước, xả chất thải, nước thải không đúng quy định; huy động sự tham gia, giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

- Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan.

- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA (nếu có).

- Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN *(nhiệm vụ trọng tâm chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương triển khai các chương trình, đề án, dự án để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước và thẩm quyền được giao; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch ở các công trình cấp nước tập trung nông thôn.

- Tổ chức thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về nước sạch và vệ sinh nông thôn theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng hướng dẫn thực hiện kiểm tra, giám sát đánh giá và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật và kiểm tra công tác quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn sau đầu tư.

- Xây dựng tài liệu kỹ thuật hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi. Tăng cường hướng dẫn kiểm tra tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.

2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế và các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về cấp nước sạch nông thôn; phối hợp xây dựng và hướng dẫn các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về cấp nước sạch nông thôn.

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn tập trung và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao.

- Rà soát, nghiên cứu, hướng dẫn xây dựng công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn; phương pháp định giá giá dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn tập trung.

3. Sở Y tế

- Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước, vệ sinh trong cơ sở y tế.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (áp dụng cho công trình cấp nước sạch tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình), quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình và công trình vệ sinh công cộng, vệ sinh cá nhân.
- Tổ chức thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước và vệ sinh cơ sở y tế.
- Tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành chất lượng nước sạch định kỳ hàng năm và đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh xử lý các Trạm Cấp nước không đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xét nghiệm nhanh chất lượng nước phục vụ sinh hoạt, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp với khả năng chi trả của người dân.
- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ thông minh trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.
- Nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ thu gom, xử lý và trữ nước mưa đảm bảo chất lượng; công nghệ xử lý nước quy mô hộ gia đình đảm bảo vận hành đơn giản, hiệu quả.

5. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp, hướng dẫn, bố trí kinh phí từ các nguồn để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh các cơ chế, chính sách và thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh các dự án, kế hoạch về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.
- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài đầu tư công; thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý.
- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh về bố trí kế hoạch đầu tư công hàng năm và trung hạn được cấp thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện các dự án đầu tư cấp nước sạch nông thôn.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ nguồn nước, xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các quy định trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

8. Sở Thông tin Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trong Tỉnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; hướng dẫn người dân chủ động tích trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt; truyền thông Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm, những cách làm hay, hiệu quả của các tổ chức, cá nhân trong sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước.

9. Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp

Chủ trì, phối hợp với các địa phương, các sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất các chính sách tín dụng hỗ trợ để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp Tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, hộ dùng nước tham gia thực hiện sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm và giám sát chỉ tiêu cấp nước trên địa bàn tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch thuộc địa bàn quản lý theo thẩm quyền và trách nhiệm của địa phương; trình Hội đồng nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí thực hiện theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước; đồng thời thực hiện việc lồng ghép nội dung Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan.

- Triển khai xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước và vệ sinh trên địa bàn theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật, đảm bảo đẩy nhanh tiến độ đạt các mục tiêu của Kế hoạch.

- Hướng dẫn triển khai quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành, trong đó quy định cụ thể chế tài xử lý, trách nhiệm các cấp, các ngành, chủ đầu tư, chủ quản lý, khai thác vận hành công trình.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn theo “Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn giai đoạn 2021-2025”.

- Thực hiện ký kết thỏa thuận cấp nước nông thôn với các cơ sở cấp nước trên địa bàn theo quy định hiện hành để thực hiện quản lý chất lượng nước, đồng thời xử lý các Trạm cấp nước không đạt chất lượng.

Các cơ quan triển khai thực hiện Kế hoạch và lồng ghép với nội dung được giao tại Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28/6/2021 và Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh; định kỳ hằng năm (trước ngày 05 tháng 12) và cuối mỗi kỳ kế hoạch 5 năm, 10 năm đánh giá kết quả thực hiện gửi về Ủy ban nhân dân Tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Yêu cầu các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ trong Kế hoạch đề ra, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Ủy ban nhân dân Tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi (b/c);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh (b/c);
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Các Sở, ngành Tỉnh;
- Mật trận Tổ Quốc Tỉnh;
- Đài THĐT, Báo Đồng Tháp;
- UBND các Huyện, Thành phố;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/KT.lgv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn

PHỤ LỤC:

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ CẤP NƯỚC SẠCH
VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 (Kế hoạch)**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	
					Bắt đầu	Kết thúc
I	TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH					
1	Tổ chức phổ biến Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Cuộc họp, hội nghị, tài liệu	2022	2026
2	Tổ chức hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường hàng năm và triển khai các hoạt động hưởng ứng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Hội nghị, các hoạt động hưởng ứng	Hàng năm	
3	Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; hướng dẫn người dân chủ động tích, trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt.	UBND huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan	Cuộc họp, bản tin, tài liệu	Hàng năm	
II	ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN					
1	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về nước sạch và vệ sinh nông thôn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Chương trình, kế hoạch, đề án, dự án	2022	2025

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	
					Bắt đầu	Kết thúc
2	Đề xuất đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung nông thôn cho vùng khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, khu vực biên giới từ nguồn vốn ngân sách trung ương (nếu có)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Quyết định UBND Tỉnh	Hàng năm	
3	Kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn; đôn đốc các nhà đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, thực hiện đúng tiến độ	UBND huyện, thành phố	Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng Quý	
III	CẤP NƯỚC QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH					
1	Triển khai thí điểm hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình phù hợp với từng khu vực để nhân rộng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Bể chứa nước mưa và các hình thức trữ nước khác	Hàng năm	
2	Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Tài liệu hướng dẫn	Hàng năm	
3	Xây dựng hướng dẫn về quy định vật tư, thiết bị sử dụng trong công trình cấp nước quy mô hộ gia đình; trách nhiệm của các đơn vị cung cấp vật tư, thiết bị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị liên quan	Tài liệu hướng dẫn	2023	2024
IV	CẤP NƯỚC AN TOÀN VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					
1	Xây dựng hướng dẫn thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Tài liệu hướng dẫn	2022	2023

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	
					Bắt đầu	Kết thúc
2	Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đánh giá và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Báo cáo	Hàng năm	
V	NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN					
1	Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn sau đầu tư.	UBND huyện, thành phố	Sở, ban ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản chỉ đạo, điều hành	Hàng năm	
2	Rà soát đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức, đơn vị quản lý vận hành và năng lực quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tại địa phương - nhất là đối với công trình hoạt động kém hiệu quả.	UBND huyện, thành phố	Sở, ban ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo, tài liệu hướng dẫn	2022	2025
VI	XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI					
1	Xây dựng tài liệu kỹ thuật hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Tài liệu hướng dẫn	2022	2025
2	Tăng cường hướng dẫn kiểm tra tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.	UBND huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở, ban ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm	
VII	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					
1	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Công nghệ, giải pháp	Hàng năm	

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	
					Bắt đầu	Kết thúc
2	Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, tận dụng nguyên vật liệu địa phương trong xây dựng công trình, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Công nghệ, giải pháp	Hàng năm	
3	Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ thông minh trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.	Đơn vị cấp nước	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Công nghệ, giải pháp	Hàng năm	
VIII	HỢP TÁC QUỐC TẾ					
1	Tổ chức tiếp nhận và triển khai các hoạt động hỗ trợ khẩn cấp về nước sạch và vệ sinh nông thôn trong trường hợp xảy ra thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Hoạt động hỗ trợ khẩn cấp	Hàng năm	
2	Tiếp nhận, tổ chức chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại trong hoạt động nước sạch và vệ sinh nông thôn với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Hợp đồng chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ	Hàng năm	
3	Huy động nguồn lực hỗ trợ từ các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế thực hiện các mục tiêu, giải pháp trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh nông thôn.	UBND huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở, ban ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan	Đề xuất dự án, hoạt động được phê duyệt	2022	2030
IX	NGUỒN NHÂN LỰC					
1	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình; tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý ở cơ sở.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Tài liệu	Hàng năm	

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	
					Bắt đầu	Kết thúc
XI	TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ					
1	Điều tra bộ chỉ số theo dõi đánh giá về nước sạch nông thôn phù hợp với thực tế triển khai.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Báo cáo	2022	2025
2	Tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về nước sạch và vệ sinh nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Báo cáo	Hàng năm	
3	Hướng dẫn, giám sát đánh giá thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí về nước sạch, vệ sinh nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Tỉnh, Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Báo cáo	Hàng năm	
4	Kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động nước sạch nông thôn, triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn tại địa phương.	UBND huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở, ban ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm	
5	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Báo cáo	Hàng năm	

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	
					Bắt đầu	Kết thúc
6	Tổ chức định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban ngành tỉnh UBND huyện, thành phố	Hội nghị, cuộc họp	Hàng năm; 5 năm; 10 năm	